*Tuần 01 Ngày soạn: 01/09/2022*

*Tiết 02 Ngày dạy: 06/09/2022*

**§2.CÁCH GHI SỐ TỰ NHIÊN**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

***-*** Nhận biết được mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số ( theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.

- Nhận biết được số La Mã không quá 30

**2. Năng lực**

- Đọc và viết được số tự nhiên.

- Biểu diễn được số tự nhiên cho trước thành tổng giá trị các chữ số của nó.

- Đọc và viết được các số La Mã không quá 30.

**3. Phẩm chất**

- Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **GV:** Máy chiếu, máy vi tính, các phiếu học tập.

* Các bảng theo mẫu trong sách như bảng 1 và bảng các số La Mã.

- Hình ảnh đồng hồ với mặt số viết bằng số La Mã.

**2. HS:**Bộ đồ dùng học tập; Sưu tầm các đồ dùng, tranh ảnh có số La Mã.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3 phút)**

**a) Mục tiêu:**Hiểu về lịch sử của số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trênmàn chiếu hoặctranh ảnh và chú ý lắng nghe.

**c) Sản phẩm:** HS nắm được các cách viết số tự nhiên khác nhau qua giai đoạn, năm tháng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- HĐ của GV:**  giới thiệu và chiếu một số hình ảnh liên quan đến cách viết số tự nhiên từ thời nguyên thủy ( hình ảnh dưới phần hồ sơ dạy học) “ Trong lịch sử loài người, số tự nhiên bắt nguồn từ nhu cầu đếm và có từ rất sớm. Các em quan sát hình chiếu và nhận xét về cách viết số tự nhiên đó.”

**- HĐ củaHS:**quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**-Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**-Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Cách ghi số tự nhiên đó như thế nào, có dễ đọc và sử dụng thuận tiện hơn không?” => Bài mới.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI(25 phút)**

**Hoạt động 1: Hệ thập phân(5 phút)**

**a) Mục tiêu:**

+HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

+ HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

+ HS nhận thấy kết luận thu được rất gần gũi với thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sátSGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS viết được số tự nhiên trong hệ thập phân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **HĐ GV**  \* GV cho HS quan sát và đọc trong SGK -> đọc hiểu cặp đôi để hiểu và ghi nhớ.  \* GV lưu ý về chữ số đầu và về cách viết:  **1.** Với các số tự nhiên khác 0, chữ số đầu tiên ( từ trái sang phải) khác 0.  **2.** Đối với số có 4 chữ số trở lên, ta viết tách riêng từng lớp. Mỗi lớp là một nhóm ba chữ số kể từ trái sang phải.  \* GV phân tích kĩ ví dụ: số **221 707 263 598** đọc là “ ***Hai mươi mốt tỉ, bảy trăm linh bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi tám***) có các lớp, hàng như trong Bảng 1-SGK-tr9.  \* GV yêu cầu HS lấy ví dụ về 1 số bất kì -> nói cho nhau nghe cách đọc và phân tích các lớp, hàng của số đó.  \* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành “**?**”  \* GV nhận xét , nêu đáp án đúng và chú ý những đáp án sai.  ( GV lưu ý HS không viết 012; 021)  \* GV cho HS phát biểu theo mẫu câu đã cho và phân tích cho HS  \* GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi thực hiện yêu cầu của HĐ1.  \* GV nhận xét , nêu đáp án đúng và chú ý những đáp án sai.  \* GV viết đầy đủ trên bảng cho thẳng cột để cộng lại theo cột đi đến HĐ2 => Kết luận.  \* GV phân tích ví dụ trong SGK -> Tổng quát lại cho HS.  \* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành phần Luyện tập:  *Viết số* ***34604*** *thành tổng giá trị các chữ số của nó.*  \* GV yêu cầu HS viết số **492** thành tổng giá trị các chữ số của nó sau đó hoàn thành phần *Vận dụng*.  **- HĐ HS**  + theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Báo cáo, thảo luận:**  +HS:Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. HỆ THẬP PHÂN**  **a. Cách ghi số tự nhiên trong hệ thập phân**  + Trong hệ thập phân, mỗi số tự nhiên được viết dưới dạng một dãy những chữ số lấy trong 10 chữ số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 và 9. Vị trí của các chữ số trong dãy gọi là hàng.  + Cứ 10 đơn vị ở một hàng thì bằng 1 đơn vị ở hàng liền trước nó. Chẳng hạn : 10 chục = 1 trăm; 10 trăm = 1 nghìn.  **?. Các số đó là:**  120; 210; 102; 201  **b. Giá trị các chữ số của một số tự nhiên**  - Mỗi chữ số tự nhiên viết trong hệ thập phân đều biểu diễn được thành ***tổng giá trị các chữ số của nó.***  **Ví dụ:**  **236** = (**2** × 100) + (**3** × 10) + **6**  \*TQ:  = ( **a** × 10) + **b**, với a ≠ 0  = (**a** × 100) + ( **b** × 10) + **c**  **34 604** = ( **3** × 10 000) + ( **4** × 1000) + (**6** × 100) + **4**  *Vận dụng:*  **492** = (**4** × 100) + ( **9** × 10) + **2**  => 4 tờ 100 nghìn, 9 tờ 10 nghìn và 2 tờ 1 nghìn đồng. |

**Hoạt động 2: Số La Mã**

**a) Mục tiêu:**HS viết được số La Mã từ 1 đến 30..

**b) Nội dung:** HS quan sátSGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS viết được số La Mã, làm đúng bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- HĐ GV**  + GV chiếu bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 5 thành phần để ghi số La Mã.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thành phần | I | V | X | IV | IX | | Giá trị | 1 | 5 | 10 | 4 | 9 |   + GV giới thiệu và cho HS đọc và ghi nhớ các thành phần chính trong bảng trên.  + GV chiếu các số La Mã biểu diễn các số từ 1 đến 10   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |   + GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.  + GV chiếu các số La Mã biểu diễn số từ 11 đến 20:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | XI | XII | XIII | XIV | XV | XVI | XVII | XVIII | XIX | XX | | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |   + GV giới thiệu rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.  + GV chiếu các số La Mã biểu diễn các số từ 21 đến 30 hoặc cho HS quan sát SGK-tr11.  + GV giới thiệu cách viết rồi cho HS đọc đồng thanh, đọc thầm cá nhân rồi ghi nhớ cách viết.  + GV kết hợp xóa đi 1 số ô trống ở trong từng loại bảng để kiểm tra ghi nhớ của HS.  + GV cho HS đọc nhận xét trong SGK- tr11 và lưu ý lại cho HS.  **Nhận xét**  **1.**Mỗi số La Mã biểu diễn một số tự nhiên bằng tổng giá trị các thành phần viết trên số đó. Chẳng hạn, số XXIV có ba thành phần là X, X và IV tương ứng với các giá trị 10, 10 và 4. Do đó XXIV biểu diễn số 24.  **2.** Không có số La Mã nào biểu diễn số 0.  \* GV yêu cầu HS hoàn thành phần “**?**”  + GV chia cả lớp theo nhóm đôi hoàn thành thử thách nhỏ, thi xem nhóm nào sử dụng 7 que tính xếp được nhanh và nhiều số La Mã đúng nhất.  **HĐ HS**  + HS theo dõi máy chiếu, SGK, chú ý nghe, đọc, ghi chú (thực hiện theo yêu cầu).  + GV: phân tích, quan sát và trợ giúp HS.  **- Báo cáo, thảo luận:**  +HS:Theo dõi, lắng nghe, phát biểu.  + HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại cách viết số La Mã và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. SỐ LA MÃ**  **?.**  a)Viết các số 14 và 27 bằng số La Mã:  XIV; XXVII.  b) Đọc các số La Mã XVI, XXII:  + XVI: Mười sáu  + XXII: Hai mươi hai.  **Thử thách nhỏ:**  XVIII (18); XXIII (23); XXIV (24); XXVI (26); XXIX (29). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả làm bài tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài* **1.6 ; 1.7 ; 1.8** *SGK – tr12*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**Bài 1.6**:

**+ 27 501:** *Hai mươi bảy nghìn năm trăm linh một*.

**+ 106 712:** *Một trăm linh sáu nghìn bảy trăm mười hai.*

**+ 7 110 385:** *Bảy triệu một trăm mười nghìn ba trăm tám mươi năm.*

**+ 2 915 404 267:** *Hai tỉ chín trăm mười lăm triệu bốn trăm linh bốn nghìn hai trăm sáu mươi bảy.*

**Bài 1.7 :**

a) Hàng trăm ;

b) Hàng chục ;

c) Hàng đơn vị .

**Bài 1.8 :**

+ **XIV** : Mười bốn

+ **XVI** : Mười sáu

+ **XXIII** : Hai mươi ba.

**Bài 1.9 :**

**+ 18 :** XVIII

**+ 25 :** XXV

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**Học sinh thực hiện được bài tập vận dụng .

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Kết quả làm bài tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng.*

**Bài 1.10 :** Số có sáu chữ số nên hàng cao nhất là hàng trăm nghìn. Chứ số này phải khác 0 nên hàng trăm nghìn là chữ số 9. Từ đó suy ra số cần tìm là 909 090.

**Bài 1.11** : Chữ số 5 có giá trị 50 nên thuộc hàng chục => số đó là : **350.**

**Bài 1.12 :** Ta thấy mỗi gói có 10 cái kẹo, mỗi hộp có 100 cái kẹo ( 10 gói) và mỗi thùng có 1000 cái kẹo. Người đó mua 9 thùng, 9 hộp và 9 gói kẹo nên tổng số kẹo là :

9 × 1000 + 9 × 100 + 9 × 10 = 9 990 ( cái kẹo)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học lý thuyết: Cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân, mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân và học thuộc cách biểu diễn các chữ số La Mã từ 1 -> 30.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: **1.32; 1.33**-SGK-tr20;

- Chuẩn bị bài mới “ **Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên**”

*Tuần 01 Ngày soạn: 01/09/2022*

*Tiết 03 Ngày dạy: 07/09/2022*

**§3.THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN**

**I. MỤCTIÊU**

**1. Kiến thức: *-*** Nhận biết được tia số.Nhận biết được thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

**2. Nănglực**

***- Năng lực chuyên biệt:*** Biểu diễn được số tự nhiên trên tia số.So sánh được hai số tự nhiên nếu cho hai số viết trong hệ thập phân, hoặc cho điểm biểu diễn của hai số trên cùng một tia số.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợptác.

**3. Phẩm chất:**Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS  độc lập, tự tin và tự chủ.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị sẵn một số đồ dùng hay hình vẽ có hình ảnh của tia số (nhiệt kế thủy ngân, cái cân đòn, thước có vạchchia…)

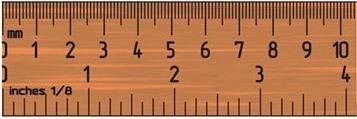
**2. Học sinh**: Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng họctập.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục đích:** Nhận biết và hiểu ý nghĩa về thứ tự trong đời sống thực tế đời sống và liên hệ được với dãy số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và thực hiện theo yêucầuHình 1. 



**Hình 1.** Mọi người xếp thành 1 hàng mua vé **Hình 2.** Nhiệt kế thủy ngân

**Hình 3.** Thước kẻ

**c) Sản phẩm:** HS liên hệ so sánh với dãy số tựnhiên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

# - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu một số hình ảnh liên quan đến tia số và đưa ra yêu cầu:“ Quan sát các hình ảnh trên màn chiếu, các em hãy suy nghĩ xem dòng người xếp hàng, vạch chia nhiệt kế và thước kẻ với dãy số tự nhiên đang học có gì giống nhau? ”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên như thế nào? ”  Bài mới.

# 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a) Mụcđích:**

**+** Nhận biết được tia số.

+ Nhận biết được thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

+ Minh họa khái niệm số liền trước, liền sau của một số tự nhiên.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HỌC SINH | SẢN PHẨM DỰ KIẾN |
| - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  **+ GV nhắc lại về tập hợp và tia số:**  **Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu là N.**  **N = { 0; 1; 2; 3; ...}.**  **Mỗi phần tử 0; 1; 2; 3;... của được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc O như Hình 1.5 – SGK - tr13.**    **+ GV phân tích tia số: Trên tia số, điểm biểu diễn số tự nhiên a gọi là điểm a. VD: điểm 2, điểm 6, điểm 9...**  **+ GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các hoạt động:** HĐ1; HĐ2; HĐ3 **như trong SGK.**  HĐ1: **Trong hai điểm 5 và 8 trên tia số, điểm nào nằm bên trái, điểm nào nằm bên trái, điểm nào nằm bên phải điểmkia?**  HĐ2: **Điểm biểu diễn số tự nhiên nào nằm ngay bên trái điểm 8? Điểm biểu diễn số tư nhiên nào nằm ngay bên phải điểm8?**  **+ GV cho HS đọc phần chú ý và gọi 1HS giải thích.**  **+ GV giới thiệu kí hiệu** “” **hoặc** “”.  - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  **+ HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận nhóm đôi và hoàn thành các yêu cầu.**  **+ GV: quan sát và trợ giúp HS.**  - Bước 3: Báo cáo, thảoluận  **+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, hoàn thành vở.**  **+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.**  - Bước 4: Kết luận, nhận định  GVnhận xét, đánh giá, chốt lại kết luận sau mỗi hoạtđộng. | 1. Thứ tự các số tự nhiên  **- Tia số là hình ảnh trực quan giúp chúng ta tìm hiểu về thứ tự của các số tự nhiên.**  **+ *Trong hai số tự nhiên khác nhau, luôn có một số nhỏ hơn số kia*. Nếu số a nhỏ hơn số b thì trên tia số nằm ngang điểm a nằm bên trái điểm b. Khi đó, ta viết a < b hoặc b > a. Ta còn nói: điểm a nằm trước điểm b, hoặc điểm b nằm sau điểma.**  **+ *Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau*. VD: 9 là số liền sau của 8 (còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liêntiếp.**  Chú ý**: *Số 0 không có số tự nhiên liền trước và là số tự nhiên nhỏ nhất.***  2. Các kí hiệu “” hoặc “”  **- Ta còn dùng kí hiệu a b (đọc là “a nhỏ hơn hoặc bằng b” ) để nói “a < b hoặc a = b”.**  VD:  **{ x N | x < 4} ={ 0; 1; 2; 3}**  **{ x N | x 4} ={ 0; 1; 2; 3; 4}**   * **Tương tự, kí hiệu a b ( đọc là “a lớn hơn hoặc bằng b”) có nghĩa là a > b hoặc a =b.**   **- Tính chất bắc cầu còn có thể viết: + Nếu a < b và b < c thì a < c (tính chất bắc cầu).** |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆNTẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bàitập.

**b)Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c)Sản phẩm:** Kết quả củaHS.

# d)Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Bài 1.13 ; 1.14 ; 1.15.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

# Luyện tập:

**a.** 12 036 001 > 12 035 987 m > n. **b.** m> n  n < m  điểm n nằm trước.

# Bài 1.13.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 3 532 | 3 529 |
| Số liền trước | 3 531 | 3 528 |
| Số liền sau | 3 533 | 3 530 |

**Bài 1.14.** a < b< c

# Bài 1.15.

a) M = { 10 ;11 ; 12 ; 13 ; 14} b) K = { 1 ; 2 ; 3} c) L = { 0 ; 1 ; 2 ; 3}

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

# 4. HOẠT ĐỘNG VẬNDỤNG

**a) Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng và khắc sâu kiếnthức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bàitập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả củaHS.

# d) Tổ chức thựchiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng: **Bài 1.16**

**Vận dụng:**Buổi sáng > buổi chiều > buổi tối.

# Bài 1.16

Có: 148 < 150 < 153  thứ tự theo chiều cao (từ thấp đến cao ) của ba bạn là Cường, An, Bắc. Vậy thứ tự các điểm từ dưới lên là C, A, B.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

# IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập( Slide)/bảng điểm)*

# HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

Ôn lại nội dung kiến thức đã học.Hoàn thành các bài tập.

Chuẩn bị bài mới “ **Phép cộng và phép trừ số tự nhiên**”.